

Số: 14 /NQ-HĐND

Ấn Thi, ngày 07 tháng 8 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm  
giai đoạn 2021-2025 xã Ấn Thi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ AN THI  
KHÓA I - KỲ HỌP THỨ HAI (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn  
bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản  
hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND xã: Số 93/NQ-HĐND ngày 26/12/2024  
của HĐND xã Quang Vinh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; số  
97/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND thị trấn Ấn Thi về bổ sung kế hoạch  
đầu tư công trung hạn 2021-2025; số 76/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND  
xã Hoàng Hoa Thám về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
2021-2025;*

*Xét Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 05/8/2025 của UBND xã Ấn Thi; Báo  
cáo Thăm tra số 03/BC- BKTNS ngày 05/8/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách, ý  
kiến thảo luận và biểu quyết của các vị đại biểu HĐND xã.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Mục tiêu, định hướng đầu tư trong giai đoạn 2021-2025**

1. Danh mục đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 bám sát vào thực hiện các quan điểm, mục tiêu, đột phá và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Ấn Thi lần thứ nhất; phù hợp các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước thực sự trở thành vốn môi để thu hút tối đa nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công. Không bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác đầu tư, sản xuất kinh doanh, trừ các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực; các dự án giao thông có tính liên kết vùng, tác động lan toả, tạo đột phá quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn. Quản lý tập trung, thống nhất các mục tiêu, cơ chế, chính sách; trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

**Điều 2. Nguyên tắc lập danh mục đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải bám sát và thực hiện các quan điểm, mục tiêu, đột phá và nhiệm vụ giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Ân Thi lần thứ nhất; các chương trình, đề án của Ban Chấp hành của Đảng bộ xã Ân Thi; Ban Thường vụ Đảng ủy; phù hợp các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cần xem xét đến kết quả đầu tư công của giai đoạn 2016-2020; quan tâm các địa phương cần đầu tư cơ sở hạ tầng.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**Điều 3. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025**

1. Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 điều 101 Luật Đầu tư công (nếu có);

2. Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

3. Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

4. Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư, dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 điều 51 Luật Đầu tư công;

5. Việc lựa chọn danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại điều 57 Luật Đầu tư công; các dự án mới phải đảm bảo thời gian bố trí vốn theo quy định. Đồng thời, danh mục nhiệm vụ, dự án đã bố trí kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 đã được cấp có thẩm quyền giao phải thuộc danh mục nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án không thấp hơn mức vốn kế hoạch năm 2021 và năm 2022 đã được giao.

#### **Điều 4. Phân bổ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025**

##### **1. Dự kiến nguồn thu**

- Tổng số nguồn thu theo các Nghị quyết của HĐND các xã sau khi sáp nhập 03 đơn vị hành chính cũ (thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh, xã Hoàng Hoa Thám) số tiền là: 1.085.264,704 triệu đồng; trong đó:

Nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ: 190.315 triệu đồng

Nguồn thu từ tiền sử dụng đất của xã: 894.949,704 triệu đồng

##### **2. Dự kiến phân bổ vốn cho các dự án, công trình giai đoạn 2021-2025**

###### **2.1 Nguồn ngân sách xã**

Theo các Nghị quyết của HĐND các xã sau khi sáp nhập 03 đơn vị hành chính cũ (thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh, xã Hoàng Hoa Thám) số tiền là: 800.405,407 triệu đồng cho các dự án, công trình cụ thể sau:

a. Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành: 24.635,499 triệu đồng, trong đó:

- Lĩnh vực văn hoá: 4.980,203 triệu đồng;
- Lĩnh vực giáo dục: 18.126,617 triệu đồng;
- Lĩnh vực giao thông: 390,679 triệu đồng;
- Lĩnh vực khác: 1.138 triệu đồng.

b. Dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2021-2025 số tiền là: 299.899,908 triệu đồng, trong đó:

- Lĩnh vực văn hoá: 22.080,913 triệu đồng;
- Lĩnh vực giáo dục: 19.592,100 triệu đồng;
- Lĩnh vực giao thông: 128.563,108 triệu đồng;
- Lĩnh vực khác: 129.663,787 triệu đồng.

c. Dự án khởi công mới số tiền là: 331.010 triệu đồng, trong đó:



- Lĩnh vực văn hoá: 19.237 triệu đồng;
- Lĩnh vực giáo dục: 93.533 triệu đồng;
- Lĩnh vực giao thông: 185.185 triệu đồng;
- Lĩnh vực khác: 33.055 triệu đồng.

d. Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư số tiền là: 144.860 triệu đồng, trong đó:

- Lĩnh vực văn hoá: 14.850 triệu đồng;
- Lĩnh vực giáo dục: 8.380 triệu đồng;
- Lĩnh vực giao thông: 121.630 triệu đồng.

## **2.2 Nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ**

Theo các Nghị quyết của HĐND các xã sau khi sáp nhập 03 đơn vị hành chính cũ (thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh, xã Hoàng Hoa Thám) số tiền là: 190.315 triệu đồng cho các dự án, công trình cụ thể sau:

a. Dự án hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành: 13.350 triệu đồng, trong đó:

- Lĩnh vực văn hoá: 8.390 triệu đồng;
- Lĩnh vực giáo dục: 3.510 triệu đồng;
- Lĩnh vực khác: 1.450 triệu đồng.

b. Dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2021-2025 số tiền là: 91.339 triệu đồng, trong đó:

- Lĩnh vực văn hoá: 9.896 triệu đồng;
- Lĩnh vực giáo dục, y tế: 8.636 triệu đồng;
- Lĩnh vực giao thông: 65.451 triệu đồng;
- Lĩnh vực khác: 7.356 triệu đồng.

c. Dự án khởi công mới số tiền là: 76.956 triệu đồng, trong đó:

- Lĩnh vực văn hoá: 2.000 triệu đồng;
- Lĩnh vực giáo dục: 33.600 triệu đồng;
- Lĩnh vực giao thông: 37.956 triệu đồng;
- Lĩnh vực khác: 3.400 triệu đồng.

d. Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư số tiền là: 8.670 triệu đồng, trong đó:

- Lĩnh vực văn hoá: 6.150 triệu đồng;
- Lĩnh vực giáo dục: 2.520 triệu đồng.

## **3. Dự phòng**

Kinh phí còn dư: 94.544,297 triệu đồng để dự phòng xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025.

*(Có các biểu chi tiết kèm theo)*

#### 4. Các công trình dự án Tỉnh chuyển về UBND xã làm chủ đầu tư

Căn cứ quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên ( đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025) khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

Nguồn vốn sau khi được tỉnh phân bổ chuyển về cấp xã thực hiện theo đúng phân bổ của tỉnh.

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

#### Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo quy định của pháp luật.

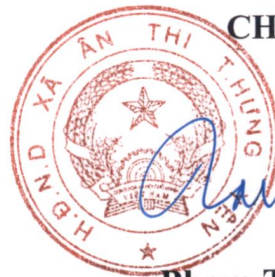
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã, các tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ân Thi khóa I - kỳ họp thứ hai (chuyên đề ) thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã thông qua. /.

Nơi nhận: *pháp*

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, TT HĐND;
- UBND xã;
- Các ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phạm Trường Tam



**DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**Dự án đầu tư công do huyện làm chủ đầu tư điều chuyển về UBND xã Ân Thi**  
(Kèm theo Nghị quyết số **14** /NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của HĐND xã Ân Thi)

| TT             | Đơn vị/Dự án                                                                                                                                                     | Số quyết định,<br>ngày, tháng, năm<br>ban hành | Chủ đầu tư theo<br>quyết định phê<br>duyet dự án | Địa điểm XD<br>sau (Ghi theo<br>ĐVHC cấp xã<br>sau hợp nhất) | Chủ đầu tư mới<br>sau hợp nhất | Ghi chú |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1              | 2                                                                                                                                                                | 7                                              | 3                                                | 5                                                            | 3                              | 37      |
| <b>TỔNG SỐ</b> |                                                                                                                                                                  |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| <b>I</b>       | <b>DỰ ÁN HOÀN THÀNH</b>                                                                                                                                          |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| <b>1</b>       | <b>Lĩnh vực văn hoá</b>                                                                                                                                          |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| 1.1            | Nhà văn hoá thôn Ngọc Châu                                                                                                                                       | 1390/QĐ-UBND;<br>26/02/2019                    | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 1.2            | Nhà văn hoá thôn Minh Lý, xã Hoàng Hoa Thám                                                                                                                      | 1378/QĐ-UBND;<br>26/02/2019                    | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 1.3            | Xây dựng Đền thờ danh nhân Nguyễn Trung Ngạn                                                                                                                     | 1435/QĐ-UBND;<br>22/6/2018                     | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 1.4            | Cải tạo, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Phúc (Quang Vinh)                                                                                                   | 2240/QĐ-UBND;<br>15/7/2014                     | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| <b>2</b>       | <b>Lĩnh vực giáo dục</b>                                                                                                                                         |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| 2.1            | Trường THCS Phạm Huy Thông huyện Ân Thi (giai đoạn 1)                                                                                                            | 866/QĐ-UBND;<br>03/4/2018                      | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 2.2            | Nâng cao năng lực trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên                                                                                         | 4900b/QĐ-UBND;<br>19/12/2018                   | BQLDA ĐTXD<br>huyện                              | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 2.3            | Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ân Thi;<br>Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học + làm việc, nhà xe, rãnh thoát nước                                                 | 2714b/QĐ-UBND;<br>26/6/2019                    | BQLDA ĐTXD<br>huyện                              | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| <b>3</b>       | <b>Lĩnh vực giao thông</b>                                                                                                                                       |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| 3.1            | Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 cũ đoạn qua thị trấn Ân Thi từ lý trình Km17+400(Ngã tư Bưu điện) đến Km19+000 (Ngã ba Bình Tri)                                        | 2668/QĐ-UBND;<br>19/10/2018                    | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 3.2            | Nâng cấp đường ra đồng phục vụ sản xuất thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi (Đoạn từ Quốc lộ 38 đến Cánh Hồ qua lăng danh nhân Nguyễn Trung Ngạn)                     | 2970/QĐ-UBND;<br>10/7/2020                     | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 3.3            | Cải tạo, nâng cấp ĐH.61, huyện Ân Thi (đoạn từ điểm giao ĐT.384 đến trạm bơm Tam Đô xã Hoàng Hoa Thám)                                                           | 2731/QĐ-UBND;<br>29/11/2021                    | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 3.4            | Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi (tuyến 1: Đoạn nối từ QL.38 đến thôn An Bá; tuyến 2: Đoạn nối từ cầu Minh Lý đến thôn Đan Xá) | 2729/QĐ-UBND;<br>29/11/2021                    | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 3.5            | Cải tạo, nâng cấp đường trục trung tâm thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi                                                                                             | 3025/QĐ-UBND;<br>29/12/2020                    | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| <b>4</b>       | <b>Lĩnh vực quy hoạch</b>                                                                                                                                        |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| 4.1            | Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                                                                                                   | 4860/QĐ-UBND<br>ngày 15/8/2024                 | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 4.2            | Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                                                                                                    | 6311/QĐ-UBND<br>ngày 31/12/2021                | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 4.3            | Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                                                                                                    | 6553/QĐ-UBND<br>ngày 10/10/2022                | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 4.4            | Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                                                             | 6419/QĐ-UBND<br>ngày 03/12/2022                | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |

| TT   | Đơn vị/Dự án                                                                                                                                                                                              | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành            | Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án | Địa điểm XD sau (Ghi theo ĐVHC cấp xã sau hợp nhất) | Chủ đầu tư mới sau hợp nhất | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------|---------|
| 1    | 2                                                                                                                                                                                                         | 7                                                   | 3                                          | 5                                                   | 3                           | 37      |
| 4.5  | Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                                                                                            | 3955/QĐ-UBND; 09/9/2015                             | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4.6  | Lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn 2050                                                                                                            | 496/QĐ-UBND; 23/7/2021                              | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4.7  | Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp thể thao, văn hoá và dân cư huyện Ân Thi                                                                                                             | 2731/QĐ-UBND; 03/7/2019                             | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4.8  | Quy hoạch sử dụng đất huyện Ân Thi, giai đoạn 2021-2030, huyện Ân Thi                                                                                                                                     | 6650/QĐ-UBND; 15/12/2020                            | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4.9  | Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                                                                                                                                            | 4377/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                        | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4.10 | Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư và chợ dân sinh Thổ Hoàng 2                                                                                                      | 630/QĐ-UBND ngày 25/3/2024                          | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4.11 | Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng khu nhà ở Đô thị mới thị trấn Ân Thi 1                                                                                                             | 2693/QĐ-UBND ngày 14/12/2023                        | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4.12 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                  | 3131/QĐ-UBND;; 04/12/2017                           | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 5    | <b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>                                                                                                                                                                          |                                                     |                                            |                                                     |                             |         |
| 5.1  | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc thuộc Khu liên hợp thể thao, văn hoá và dân cư huyện Ân Thi; Hạng mục san nền và nền đường                                                                           | 3965/QĐ-UBND; 16/9/2021                             | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 6    | <b>Lĩnh vực khác</b>                                                                                                                                                                                      |                                                     |                                            |                                                     |                             |         |
| 6.1  | Doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Ân Thi/Bộ CHQS tỉnh Hưng Yên                                                                                                                                         | 2205/QĐ-UBND; 20/4/2017                             | BCH quân sự huyện                          | Xã Ân Thi                                           | BCH quân sự huyện           |         |
| 6.2  | Cơ sở làm việc Công an huyện Ân Thi                                                                                                                                                                       | 1482/QĐ-UBND; 07/3/2019                             | CA tỉnh                                    | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 6.3  | Nhà khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú Trung tâm Y tế huyện Ân Thi                                                                                                                                      | 2466/QĐ-UBND; 30/10/2019                            | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 6.4  | Cải tạo, sửa chữa khu nhà làm việc 02 tầng Trung tâm y tế huyện Ân Thi                                                                                                                                    | 46/QĐ-UBND; 15/5/2019                               | TTYT huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| II   | <b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2025</b>                                                                                                                                                                    |                                                     |                                            |                                                     |                             |         |
| 1    | <b>Lĩnh vực văn hoá</b>                                                                                                                                                                                   |                                                     |                                            |                                                     |                             |         |
| 1.1  | Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ huyện                                                                                                                                                                 | 1269/QĐ-UBND; 06/6/2018 và 6058/QĐ-UBND; 22/10/2024 | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 2    | <b>Lĩnh vực giao thông</b>                                                                                                                                                                                |                                                     |                                            |                                                     |                             |         |
| 3    | <b>Lĩnh vực y tế</b>                                                                                                                                                                                      |                                                     |                                            |                                                     |                             |         |
| 3.1  | Nhà hành chính, khám và điều trị Trung tâm Y tế huyện Ân Thi                                                                                                                                              | 1011/QĐ-UBND 05/5/2023                              | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4    | <b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>                                                                                                                                                                          |                                                     |                                            |                                                     |                             |         |
| 4.1  | Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Tân Phúc (Quang Vinh), huyện Ân Thi                                                                                                                           | 5528/QĐ-UBND 30/11/2023                             | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4.2  | Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi                                                                                                                                  | 3330/QĐ-UBND 30/5/2024                              | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |
| 4.3  | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định phúc vụ GPMB dự án đường Tân Phúc – Vông Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên và đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi | 2943/QĐ-UBND 10/5/2024                              | UBND huyện                                 | Xã Ân Thi                                           | UBND xã Ân Thi              |         |



| TT  | Đơn vị/Dự án                                                                                                                                                                                         | Số quyết định,<br>ngày, tháng, năm<br>ban hành | Chủ đầu tư theo<br>quyết định phê<br>duyet dự án | Địa điểm XD<br>sau (Ghi theo<br>ĐVHC cấp xã<br>sau hợp nhất) | Chủ đầu tư mới<br>sau hợp nhất | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| I   | 2                                                                                                                                                                                                    | 7                                              | 3                                                | 5                                                            | 3                              | 37      |
| 4.4 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định phục vụ GPMB dự án đường Tân Phúc – Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Tân Phúc, huyện Ân Thi. | 2945/QĐ-UBND<br>10/5/2024                      | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 4.5 | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc thuộc khu liên hợp thể thao, văn hóa và dân cư huyện Ân Thi (giai đoạn II); Hạng mục: Đường giao thông, vỉa hè, cây xanh, cấp nước và thoát nước                | 3870/QĐ-UBND<br>ngày 08/9/2023                 | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 4.6 | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phía Bắc thuộc khu liên hợp thể thao, văn hóa và dân cư huyện Ân Thi (giai đoạn II); Hạng mục: Di chuyển đường điện 35kV, cấp điện và điện chiếu sáng                | 1790/QĐ-UBND<br>ngày 29/02/2024                | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| III | <b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025</b>                                                                                                                                                                  |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| 1   | <b>Lĩnh vực giao thông</b>                                                                                                                                                                           |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| 1.1 | Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè và hệ thống thoát nước QL.38 và ĐT.376 đoạn qua thị trấn Ân Thi                                                                                                          | 3039/QĐ-UBND;<br>21/5/2024                     | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 1.2 | Xây dựng đường QH.05 (đoạn từ điểm giao với đường Tân Phúc - Võng Phan đến ĐT.376 cũ huyện Ân Thi)                                                                                                   | 422/NQ-HĐND<br>ngày 07/12/2023                 | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 2   | <b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>                                                                                                                                                                     |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| 2.1 | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam thuộc Khu liên hợp thể thao, văn hoá và dân cư huyện Ân Thi; Hạng mục san nền và nền đường                                                                      | 187/NQ- HĐND;<br>15/12/2020                    | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 2.2 | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Khu trung tâm liên hợp thể thao, văn hoá và dân cư huyện Ân Thi; Hạng mục san nền và nền đường                                                                           | 187/NQ- HĐND;<br>15/12/2020                    | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 3   | <b>Lĩnh vực trụ sở làm việc</b>                                                                                                                                                                      |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| 3.1 | Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Huyện uỷ Ân Thi                                                                                                                                                    | 5730/QĐ-UBND<br>ngày 11/11/2024                | VP Huyện uỷ                                      | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 3.2 | Sửa chữa tổng thể Trụ sở UBND huyện Ân Thi                                                                                                                                                           | 6857/QĐ-UBND<br>ngày 20/12/2024                | VP HĐND-<br>UBND huyện                           | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 3.3 | Xây dựng nhà làm việc đội điều tra, hội trường, để xe và hạng mục phụ trợ Công an huyện Ân Thi                                                                                                       | 777/QĐ-CAT-<br>PH10 ngày<br>05/12/2024         | Công an tỉnh                                     | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |
| 4   | <b>Lĩnh vực quy hoạch</b>                                                                                                                                                                            |                                                |                                                  |                                                              |                                |         |
| 4.1 | Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ân Thi                                                                                                                                       | 6462/QĐ-UBND;<br>05/12/2024                    | UBND huyện                                       | Xã Ân Thi                                                    | UBND xã Ân Thi                 |         |



**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 14 /NQ-HĐND ngày 07/08/2025 của HĐND xã Ân Thi)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Tên công trình                                                                            | số QĐ, ngày tháng                             | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                           |                                               |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| A  | TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH                                                          |                                               | 140.742,78      | 13.350,00                    | 24.635,499   | 0,00       |         |
| I  | Lĩnh vực văn hoá                                                                          |                                               | 35.531,79       | 8.390,00                     | 4.980,203    | 0,00       | 0,00    |
| 1  | Nhà văn hóa thôn Hoàng Cả                                                                 | 91b; 18/10/2019                               | 3.010           |                              | 50,153       |            |         |
| 2  | Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa Nguyễn Trung Ngạn                                           | 96b; 29/10/2019                               | 635             |                              | 10,515       |            |         |
| 3  | Đầu tư trang thiết bị nội thất nhà văn hóa thị trấn Ân Thi                                | 118; 21/8/2024                                | 3.168,496       |                              | 10,535       |            |         |
| 4  | Nhà văn hóa xã Hoàng Hoa Thám                                                             | 98/QĐ-UBND;<br>22/10/2015                     | 9.828           | 1400                         | 121          |            |         |
| 5  | Sân bê tông và các công trình phụ trợ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hoàng Hoa Thám | 49/QĐ-UBND;<br>5/9/2019                       | 1.634           | 800                          | 186          |            |         |
| 6  | Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tân Phúc                                             | Số 28; 08/06/2012<br>Số 11; 05/03/2017        | 6.689           | 2.918                        | 271          |            |         |
| 7  | Các hạng mục phụ trợ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tân Phúc                            | Số 22; 18/04/2017                             | 848             | 265                          | 83           |            |         |
| 8  | San lấp mặt bằng sân và các công trình phụ trợ của Nhà văn hóa thôn Vệ Dương              | Số 52 <sup>B</sup> /QĐ-UBND<br>ngày 28/9/2018 | 759             | 0                            | 351          |            |         |
| 9  | Nhà văn hóa thôn Ngọc Nhuế, xã Tân Phúc, huyện Ân Thi                                     | Số 80a; 06/11/2017                            | 1.099           | 0                            | 299          |            |         |
| 10 | Nhà văn hóa thôn Thị Tân, xã Tân Phúc                                                     | Số 73b/23/10/2018                             | 1.105           | 7                            | 98           |            |         |
| 11 | Công trình xây dựng nhà văn hóa xã Quang vinh                                             | 17/QĐ - UBND;<br>01/03/2017                   | 6.756           | 3.000                        | 3.500        |            |         |
| II | Lĩnh vực giáo dục, y tế                                                                   |                                               | 51.362,265      | 3.510,000                    | 18.126,617   | 0,000      |         |
| 1  | Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường tiểu học thị trấn Ân Thi                                | 99b; 30/10/2019                               | 3.017,743       |                              | 79,749       |            |         |
| 2  | Nhà lớp học nhà bếp ăn bán trú và một số HM phụ trợ trường mầm non Thị trấn Ân Thi        | 100; 30/10/2019                               | 10.264,841      |                              | 263,815      |            |         |
| 3  | Trường tiểu học thị trấn Ân thi, huyện Ân Thi                                             | 2913; 31/10/2017                              | 2.630           |                              | 91,693       |            |         |

| TT  | Tên công trình                                                                                                                | số QĐ, ngày tháng           | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|     |                                                                                                                               |                             |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 4   | Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà phục vụ học tập+phòng đa năng trường THCS Phạm Huy Thông                             | 249; 27/9/2022              | 11.416,13       |                              | 15.575       |            |         |
| 5   | Sân đường, nhà vệ sinh trường THCS Phạm Huy Thông                                                                             | 32; 10/02/2023              | 976,56          |                              | 5.785        |            |         |
| 6   | Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Quang Vinh                                                                         | 98/QĐ - UBND;<br>30/10/2018 | 5.011           | 700                          | 4.000,000    |            |         |
| 7   | Trường THCS Quang Vinh hạng mục 4 phòng sân bê tông                                                                           | 74/QĐ - UBND;<br>20/10/2018 | 3.293           | 400                          | 3.293,000    |            |         |
| 8   | Trường Tiểu học Quang Vinh hạng mục 12 phòng                                                                                  | 155/QĐ-UBND;<br>30/10/2019  | 8.500           |                              | 8.500,000    |            |         |
| 9   | Nhà mẫu giáo thôn Ngọc Châu hạng mục 01 phòng nhóm trẻ                                                                        | 74/QĐ - UBND;<br>29/6/2017  | 1.100           |                              | 1.100,000    |            |         |
| 10  | Nhà lớp học 01 phòng - trường mầm non xã Tân Phúc                                                                             | Số 53a;28/06/2017           | 1.000           | 0                            | 117,000      |            |         |
| 11  | Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và sân đường, trường THCS Tân Phúc                                               | Số 82c;27/11/2017           | 784             | 0                            | 20,000       |            |         |
| 12  | Trường Tiểu học Tân Phúc, Hạng mục: Nhà lớp học và các hạng phụ trợ                                                           | Số 898;09/04/2012           | 2.594           | 2.171                        | 423,000      |            |         |
| 13  | Cải tạo nhà hiệu bộ và xây mới nhà lớp học 2 phòng                                                                            | Số 40;22/11/2011            | 775             | 239                          | 217,000      |            |         |
| III | Lĩnh vực giao thông                                                                                                           |                             | 12.178          | 0                            | 390,679      | 0          |         |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xóm trại thông Quanh, thị trấn Ân Thi (Đoạn từ QL.38 đến nhà bà Bấy)                             | 373; 30/12/2022             | 2.328,75        |                              | 6,683        |            |         |
| 2   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xóm 3, thôn Quanh, TT Ân Thi (Đoạn từ QL.38 đến ngã tư Đồng Trại)                                | 374; 30/12/2022             | 1.941,02        |                              | 5,572        |            |         |
| 3   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi (đoạn từ nhà ông Sinh đến nhà ông Thủy)                           | 39; 26/02/2023              | 674,87          |                              | 3,847        |            |         |
| 4   | Cải tạo, nâng cấp đường nói từ Quốc lộ 38 cũ ra Quốc lộ 38 mới                                                                | 282; 08/11/2022             | 2.429,01        |                              | 184,489      |            |         |
| 5   | Đường GTNT thị trấn Ân Thi (đoạn từ nhà ông Cồn đến ĐT.376 cũ)                                                                | 206; 26/8/2022              | 597,03          |                              | 3,383        |            |         |
| 6   | Đường GTNT thị trấn Ân Thi (đoạn từ nhà ông Cờ đến nhà ông Thi và đoạn từ nhà ông Huân đến nhà ông Thanh)                     | 201b; 19/8/2022             | 774,65          |                              | 3,980        |            |         |
| 7   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi (Đoạn từ ngã ba, giáp nhà ông Long đến nhà ông Oai thôn Thổ Hoàng) | 63c; 30/8/2019              | 2.317,46        |                              | 6,725        |            |         |
| 8   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Vệ Dương, xã Tân Phúc (Đoạn từ sân kho đến ĐH.61 và từ Nhà văn hóa thôn đến Trạm bơm)       | Số 75a;21/10/2018           | 1.115           | 0                            | 176,000      |            |         |
| IV  | Lĩnh vực khác                                                                                                                 |                             | 41.671          | 1.450                        | 1.138,000    | 0          | #REF!   |

| TT        | Tên công trình                                                                                                                   | số QĐ , ngày tháng                                       | Tổng mức đầu tư   | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |                    |              | Ghi chú      |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|--------------------|--------------|--------------|
|           |                                                                                                                                  |                                                          |                   | NS cấp trên                  | Ngân sách xã       | Nguồn khác   |              |
| 1         | Xây dựng khu dân cư mới thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi                                                                            | 69; 16/11/2017                                           | 38.968,94         |                              | 360,000            |              |              |
| 2         | Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi | 1855/QĐ-UBND;<br>07/4/2015                               | 1.024             | 550                          |                    |              |              |
| 3         | Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy CNQSD đất nông nghiệp Xã Tân Phúc                                        | 1854/QĐ-UBND ngày<br>07/4/2015                           | 753               | 490                          | 263                |              |              |
| 4         | Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy CNQSD đất nông nghiệp xã Quang Vinh                                      | 1860/QĐ-UBND ngày<br>07/4/2015                           | 925               | 410                          | 515                |              |              |
| <b>B</b>  | <b>DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>                                                                                                 |                                                          | <b>418.673,46</b> | <b>91.339,00</b>             | <b>299.899,908</b> | <b>-</b>     |              |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực văn hoá</b>                                                                                                          |                                                          | <b>32.888,84</b>  | <b>9.896,00</b>              | <b>22.080,913</b>  | <b>-</b>     | <b>-</b>     |
| 1         | Nhà văn hóa thôn Mai Xuyên, thị trấn Ân Thi                                                                                      | 20; 30/12/2021                                           | 7000              | 2100                         | 4.900,000          |              |              |
| 2         | Xây dựng nhà văn hóa thôn Bình Trị, thị trấn Ân Thi                                                                              | 168b; 20/7/2022                                          | 4.849,365         | 1455                         | 3.230,126          |              |              |
| 3         | Nhà văn hóa khu dân cư 4,3ha (phố Bùi Thị Cúc)                                                                                   | 111; 10/5/2022                                           | 4.190,787         |                              | 3.838,787          |              |              |
| 4         | Nhà Văn hóa thôn Tam Đô                                                                                                          | 184; 06/09/2021                                          | 2.500             | 750                          | 1.600,000          |              |              |
| 5         | Nhà văn hóa thôn danh xã xã Hoàng Hoa Thám                                                                                       | 185; 6/9/2021                                            | 2.500             | 1.750                        | 646,000            |              |              |
| 6         | Nhà Văn Hóa Thôn Đỗ Xuyên                                                                                                        | 34b, 15/4/2022                                           | 6.403             | 2.043                        | 4.282,000          |              |              |
| 7         | Cải tạo, sửa chữa, mua sắm tăng cường cơ sở vật chất trụ sở làm việc Đảng ủy- HDND- UBND xã Hoàng Hoa Thám                       | 83/QĐ-UBND,<br>28/08/2023                                | 1.450             | 600                          | 786,000            |              |              |
| 8         | Cải tạo , nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ và xây dựng tường bao NTLS xã Hoàng Hoa Thám                                              | 113.30/10/2023                                           | 3.996             | 1.198                        | 2.798,000          |              |              |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực giáo dục, y tế</b>                                                                                                   |                                                          | <b>29.032,013</b> | <b>8.636,000</b>             | <b>19.592,100</b>  | <b>0,000</b> | <b>0,000</b> |
| 1         | Sửa chữa mái tôn, sân khấu ngoài trời trường THCS Phạm Huy Thông                                                                 | 166; 19/7/2022                                           | 497,163           |                              | 489,900            |              |              |
| 2         | Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học thị trấn Ân Thi                                                              | 175; 01/8/2022                                           | 1.221,850         |                              | 1.167,200          |              |              |
| 3         | Nhà lớp học 2 tầng (8 phòng) và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Phạm Huy Thông, huyện Ân Thi                                 | 18f; 29/6/2022                                           | 9.903             | 2970                         | 6.930,000          |              |              |
| 4         | Nhà nệm bộ kết hợp các phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Hoàng Hoa Thám                                | 31,15/04/2022                                            | 8.830             | 2.649                        | 5.821,000          |              |              |
| 5         | Sửa chữa, nâng cấp điểm trường MN thôn An Đạm - Đan Xá, xã Hoàng Hoa Thám                                                        | 117/QĐ-UBND,<br>02/07/2024<br>151/QĐ-UBND,<br>14/08/2024 | 3.900             | 1.900                        | 1.621,000          |              |              |

| TT  | Tên công trình                                                                                                                                                    | số QĐ , ngày tháng        | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                   |                           |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 6   | Sửa chữa, chống xuống cấp nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Tân Phúc                                                         | 63/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 | 2.150           | 1.117                        | 1.033,000    |            |         |
| 7   | Các hạng mục phụ trợ Trường TH Quang Vinh                                                                                                                         |                           | 2.530           | 0                            | 2.530,000    |            |         |
| III | Lĩnh vực giao thông                                                                                                                                               |                           | 203.110,752     | 65.451,000                   | 128.563,108  | 0,000      | 0,000   |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thị trấn Ân Thi, đường thôn Hoàng Cà đoạn từ nhà ông Kế đến nhà Quý Bình                                                             | 196e; 30/10/2020          | 1.039,550       |                              | 1.039,550    |            |         |
| 2   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thị trấn Ân Thi, đường thôn Mai Xuyên đoạn từ nhà ông Bôn đến nhà ông Bình và đoạn từ nhà ông Động đến trường mầm non                | 196g; 30/10/2020          | 1.007,920       |                              | 1.007,920    |            |         |
| 3   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thị trấn Ân Thi, đường phố Hoàng Văn Thụ đoạn từ nhà ông Nhu đến DT 376 cũ                                                           | 196f; 30/10/2020          | 911,370         |                              | 911,370      |            |         |
| 4   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi, đường thôn Hoàng Cà đoạn từ nhà ông Luân đến nhà văn hóa                                                      | 196k; 30/10/2020          | 618,540         |                              | 618,540      |            |         |
| 5   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi, đường thôn Mai Xuyên, đoạn từ cổng ngõ tư Công Đình đến nhà ông Huyền và đoạn từ nhà ông Tuyền đến giếng đình | 196h; 30/10/2020          | 1.086,310       |                              | 1.086,310    |            |         |
| 6   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi, đường thôn Hoàng Cà đoạn từ nhà ông Hanh đến nhà bà Sáng                                                      | 196m; 30/10/2020          | 579,070         |                              | 579,070      |            |         |
| 7   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Quan, thị trấn Ân Thi (Đoạn từ Quốc lộ 38 đến nhà ông Thuận và từ nhà ông Lương đến nhà ông Tý)                           | 197b; 30/10/2020          | 1.880,489       |                              | 1.817,425    |            |         |
| 8   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi, đường thôn Mai Xuyên đoạn từ đường DT 376 đến nhà ông Thùy                                                    | 24b; 28/01/2021           | 499             |                              | 485,683      |            |         |
| 9   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Hoàng Cà, thị trấn Ân Thi (Đoạn từ nhà ông Thường đến nhà bà Sán)                                                         | 05; 08/01/2021            | 965,540         |                              | 965,540      |            |         |
| 10  | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ đường QL.38 (nhà ông Chuyền) đến nhà ông Cầu, thôn Quan                                                                      | 42; 10/02/2021            | 1.100,226       |                              | 1.052,957    |            |         |
| 11  | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Quan đoạn từ đầu đường Quốc lộ 38 (nhà ông Thắng) đến nhà ông Tuấn                                                              | 397c; 06/10/2021          | 1.164,028       |                              | 1.122,242    |            |         |

| TT | Tên công trình                                                                                                                                                                                 | số QĐ, ngày tháng | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                |                   |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 12 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi (Đoạn từ nhà ông Đệ đến nhà bà Thắm)                                                                                               | 20b; 20/01/2021   | 1.147,430       | 300                          | 848,430      |            |         |
| 13 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi (Đoạn từ nhà ông Lộc đến nhà ông Chanh)                                                                                            | 20c; 20/01/2021   | 1.086,570       | 300                          | 786,570      |            |         |
| 14 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Ân Thi (Đoạn 1: Từ nhà bà Dịch đến nhà ông Chuẩn; Đoạn 2: từ nhà thờ họ Cáp đến đình làng thôn Trung; Đoạn 3: mở rộng đường ra vào cổng làng thôn Trung) | 70b; 15/03/2021   | 988,2           |                              | 988,220      |            |         |
| 15 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi, đường thôn Bình Trì                                                                                                                        | 115; 15/6/2021    | 807,47          |                              | 807,470      |            |         |
| 16 | Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng thôn Hoàng Cả thị trấn Ân Thi từ mộ cụ Nguyễn Trung Ngạn đến Ao Vuông                                                                                         | 1980a; 29/3/2022  | 1.565,076       | 1000                         | 565,076      |            |         |
| 17 | Đường nội đồng thị trấn Ân Thi (đoạn từ cổng Bùng đến khu mộ thành Hoàng Làng)                                                                                                                 | 2082; 14/3/2022   | 1.000           | 1000                         |              |            |         |
| 18 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Trung, thị trấn Ân Thi                                                                                                                                 | 20; 30/12/2021    | 4.311           | 1551                         | 2.759,840    |            |         |
| 19 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi đoạn từ QL.38 cũ (nhà ông Thái) đến ngã ba cửa Phù, thôn Hoàng Cả                                                                           | 328; 14/12/2022   | 10.642,053      | 3193                         | 7.449,000    |            |         |
| 20 | Cải tạo đường giao thông nông thôn (đoạn từ nhà bà Trạc đến nhà ông Chính), thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi                                                                                     | 18h; 29/6/2022    | 1.091           |                              | 1.091,367    |            |         |
| 21 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn từ kênh tưới đến cổng Bùng)                                                                                                           | 33; 29/12/2022    | 5.200           |                              | 4.850,000    |            |         |
| 22 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn từ cây đa Giếng Vàng đến cổng Quạc)                                                                                                   | 32; 29/12/2022    | 7.000           |                              | 6.150,000    |            |         |
| 23 | Đường giao thông nội đồng thôn Mai Xuyên thị trấn Ân Thi (Đoạn từ nhà bà Hoa đến ruộng nhà ông Mỹ)                                                                                             | 27; 29/12/2022    | 1.086           | 750                          | 335,597      |            |         |
| 24 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn từ DT.376 đến trung tâm GDNN-GDTX huyện Ân Thi)                                                                                       | 36; 29/12/2022    | 7.073           | 2122                         | 4.951,000    |            |         |
| 25 | Sửa chữa đường giao thông nội đồng thị trấn Ân Thi (đoạn từ Ao Vuông đến Đổng Hương thôn Mai Xuyên)                                                                                            | 28; 29/12/2022    | 1.879           | 750                          | 1.128,843    |            |         |
| 26 | Đường giao thông nội đồng thị trấn Ân Thi (Đoạn từ mộ Thân Hoàng đến đầu đường bê tông cánh Giáo)                                                                                              | 30; 29/12/2022    | 3.615           |                              | 2.815,000    |            |         |
| 27 | Cải tạo đường giao thông nông thôn (đoạn từ nhà ông Ty đến nhà ông Thái), thôn Quanh, thị trấn Ân Thi                                                                                          | 29; 29/12/2022    | 1.200           |                              | 1.073,816    |            |         |
| 28 | Đường giao thông nội đồng thị trấn Ân Thi (Đoạn từ giáp đường làng đến cổng cánh Giáo)                                                                                                         | 31; 29/12/2022    | 3.200           |                              | 2.260,000    |            |         |

| TT | Tên công trình                                                                                                                                                                                                                | số QĐ, ngày tháng                                | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                                               |                                                  |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 29 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn từ đường QL.38 cũ về đường QL.38 mới)                                                                                                                                | 34; 29/12/2022                                   | 7.000,00        | 2100                         | 4.900,000    |            |         |
| 30 | Đường giao thông thôn Trung thị trấn Ân Thi (đoạn từ đường ĐT.376 đến nhà thờ họ Cáp và đoạn từ ĐT.376 đến đường QL.38)                                                                                                       | 111b; 11/5/2022                                  | 8.782,246       | 2.635,000                    | 6.147,000    |            |         |
| 31 | Cải tạo, nâng cấp đường ra đồng thôn Phú Thôn, thị trấn Ân Thi (đoạn từ chùa Phú Thôn đến ĐT.376 cũ)                                                                                                                          | 63; 28/12/2023                                   | 5.024,586       | 700                          | 4.324,586    |            |         |
| 32 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thị trấn Ân Thi (đoạn từ ruộng nhà ông Dưỡng đến QL38 cũ)                                                                                                                         | 62; 28/12/2023                                   | 3.509,153       | 700                          | 2.809,153    |            |         |
| 33 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn từ nhà văn hóa thôn Hoàng Cà đến nhà ông Thắng)                                                                                                                      | 92b; 16/7/2024                                   | 4.415,001       |                              | 4.415,001    |            |         |
| 34 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Ân Thi (các đoạn qua thôn Hoàng Cà)                                                                                                                                                     | 96; 30/7/2024                                    | 4.000           |                              | 4.000,000    |            |         |
| 35 | Xây dựng đường thoát nước (đoạn từ nhà bà Nụ đến công qua công làng) và kè ao phía giáp đường QL38 thôn Hoàng Cà, thị trấn Ân Thi                                                                                             | 18g; 29/6/2022                                   | 1.200           |                              | 1.092,532    |            |         |
| 36 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn 1: Từ nhà ông Trị đến công chùa An Đạm; Đoạn 2: Từ cây đa Nghè đến ngã tư đồng Đống và nhánh đoạn 2)                                                                     | 327/QĐ-UBND ngày 20/12/2021                      | 4.356           | 1.670                        | 3.686,000    |            |         |
| 37 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (Tại các thôn Tam Đố, Đan Xá, Minh Lý, Đỗ Xuyên)                                                                                                                               | 108/QĐ-UBND ngày 17/8/2022                       | 13.500          | 6.730                        | 6.324,000    |            |         |
| 38 | Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hoàng Hoa Thám (đoạn từ nhà ông Duệ đến giao với ĐH.61 và đoạn từ nhà ông Minh thôn Minh Lý đến Nhà văn hóa cũ thôn Đan Xá)                                                                   | số 48/QĐ-UBND ngày 12/4/2024                     | 30.715          | 14.200                       | 14.436,000   |            |         |
| 39 | Cải tạo nâng cấp đường GT từ chùa Đỗ Xuyên đến cây đa nghè                                                                                                                                                                    | 37, 27/5/2021                                    | 2.599           | 1.000                        | 1.599,000    |            |         |
| 40 | Cải tạo nâng cấp đường GNT từ công chùa Minh Lý đến nhà bà Chất thôn Đan Xá                                                                                                                                                   | 154b/QĐ-UBND, 15/07/2021; 20/QĐ-UBND; 06/04/2022 | 3.653           | 1.000                        | 2.390,000    |            |         |
| 41 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn an đạm( đoạn từ nhà bà lan đến nhà ông Hồng)                                                                                                                                                | 22, 15/05/2023                                   | 1.300           | 500                          | 712,000      |            |         |
| 42 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám( đoạn 1: từ nhà ông Thư đến cây đa Nghè thôn An Đạm, đoạn 2: từ nhà ông Tin đến nhà ông Hưng thôn Đỗ Xuyên, đoạn 3: từ nhà bà Chất đến nhà ông Vinh thôn Đan Xá) - giai đoạn I | 133, 13/12/2023                                  | 3.500           | 1.050                        | 2.217,000    |            |         |

| TT | Tên công trình                                                                                                                                                                                                                 | số QĐ, ngày tháng                                       | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                |                                                         |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 43 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám( đoạn 1: từ nhà ông Thư đến cây đa Nghè thôn An Đạm, đoạn 2: từ nhà ông Tín đến nhà ông Hưng thôn Đỗ Xuyên, đoạn 3: từ nhà bà Chất đến nhà ông Vinh thôn Đanh Xá) - giai đoạn 2 | 95b, 10/06/2024                                         | 6.000           | 1.800                        | 3.731,000    |            |         |
| 44 | Xây dựng cầu Đạm, xã Hoàng Hoa Thám                                                                                                                                                                                            | 50/QĐ-UBND<br>15/4/2024                                 | 36.000          | 17.500                       | 15.320,000   |            |         |
| 45 | Cải tạo nâng cấp đường nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp đoạn từ Kênh T3 đến bãi rác thôn Minh Lý                                                                                                                          | 231/QĐ-UBND;<br>08/10/2021                              | 1.188           | 1000                         | 188,000      |            |         |
| 46 | Đường nội đồng thôn Đanh Xá, xã Hoàng Hoa Thám( đoạn từ nhà ông Hạnh đến đường đồng gạch)                                                                                                                                      |                                                         | 700             | 700                          |              |            |         |
| 47 | Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Hoàng Hoa Thám) đoạn từ ngã ba Thành Chùa đến ruộng nhà ông Tráng)                                                                                                               |                                                         | 700             | 700                          |              |            |         |
| 48 | Đường GTNT xã Quang Vinh (đoạn từ QL.38 đến kênh T6-3)                                                                                                                                                                         | 140/QĐ-UBND;<br>30/10/2020                              | 1.225           | 500                          | 725,000      |            |         |
| IV | Lĩnh vực khác                                                                                                                                                                                                                  |                                                         | 153.641,859     | 7.356,000                    | 129.663,787  | 0,000      |         |
| 1  | Cải tạo, nâng cấp chợ Thổ Hoàng, thị trấn Ân Thi                                                                                                                                                                               | 165b; 26/8/2020                                         | 1.151,028       |                              | 1.066,720    |            |         |
| 2  | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật chợ Thổ Hoàng                                                                                                                                                                                        | 194b; 16/10/2020                                        | 850,831         |                              | 795,067      |            |         |
| 3  | Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Ân Thi                                                                                                                                                                          | 39; 29/12/2022                                          | 8.743           |                              | 8.743,000    |            |         |
| 4  | Khu đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi                                                                                                                                         | 251; 03/10/2022                                         | 59.000          |                              | 59.000,000   |            |         |
| 5  | Tạo nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương năm 2024 cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Ân Thi                                                                                                                |                                                         | 100             |                              | 100,000      |            |         |
| 6  | Trụ sở làm việc công an thị trấn Ân Thi                                                                                                                                                                                        | 53; 27/6/2023                                           | 11.800          | 3.500                        | 8.300,000    |            |         |
| 7  | Cải tạo, nâng cấp Giếng làng Thổ Hoàng, thị trấn Ân Thi                                                                                                                                                                        | 82; 06/9/2024                                           | 800             |                              | 800,000      |            |         |
| 8  | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hoàng Hoa Thám                                                                                                                                                                              | 237/QĐ-UBND<br>15/10/2021                               | 7.942           |                              | 7.942,000    |            |         |
| 9  | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Minh Lý xã Hoàng Hoa Thám                                                                                                                                                                 | 140/QĐ-UBND<br>31/07/2024                               | 40.000          |                              | 28.250,000   |            |         |
| 10 | Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hoàng Hoa Thám                                                                                                                                                                             | 86/QĐ-UBND,<br>28/05/2024;<br>87/QĐ-UBND,<br>30/05/2024 | 14.900          | 3.856                        | 6.312,000    |            |         |

| TT | Tên công trình                                                                                             | số QĐ, ngày tháng                 | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                                            |                                   |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 11 | Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Hoa Thám đến năm 2035 theo tỉ lệ 1/3500                                  | 5214/QĐ-UBND ngày 05/09/2024      | 815             |                              | 815,000      |            |         |
| 12 | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Quang Vinh                                                              | QĐ Số 152, ngày 28/10/2019        | 7.540           | 0                            | 7.540,000    |            |         |
| C  | DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI                                                                                        |                                   | 427.218         | 76.956                       | 331.010,000  | 0          | 0       |
| I  | Lĩnh vực văn hoá                                                                                           |                                   | 21.937          | 2.000                        | 19.237,000   | 0          | 0       |
| 1  | Nhà văn hóa thôn An Đạm xã Hoàng Hoa Thám                                                                  | 02/NQ-HDND, 29/6/2022             | 3.362           |                              | 3.362,000    |            |         |
| 2  | Cải tạo sửa chữa phần mái nhà làm việc 3 tầng trụ sở HDND- UBND xã Hoàng Hoa Thám                          | 47/NQ-HDND, 11/10/2024            | 950             |                              | 950,000      |            |         |
| 3  | Nhà văn hoá thôn Đỗ Thượng, xã Quang vinh                                                                  | Số 27, ngày 28/6/2024             | 3.500           | 1.000                        | 2.500,000    |            |         |
| 4  | Nhà văn hoá thôn Đỗ Hạ, xã Quang Vinh                                                                      | 28/NQ - HĐND; 29/6/2022           | 3.500           | 1.000                        | 2.500,000    |            |         |
| 5  | Nhà Văn hoá thôn Phúc Tá, xã Tân Phúc                                                                      | số 147, ngày 06/9/2022            | 4.918           | 0                            | 4.918,000    |            |         |
| 6  | Sửa chữa chống xuống cấp nhà VH thôn Ninh Đạo                                                              | Số 1786, ngày 27/02/2024          | 980             | 0                            | 980,000      |            |         |
| 7  | Đầu tư trang thiết bị, nội thất nhà văn hoá xã Tân Phúc                                                    |                                   | 3.442           | 0                            | 3.442,000    |            |         |
| 8  | Sửa chữa nhà văn hoá thôn Ngọc Nhuế, xã Tân Phúc                                                           | Theo QĐ số 78 ngày 12/05/2023     | 1.285           | 0                            | 585,000      |            |         |
| II | Lĩnh vực giáo dục, y tế                                                                                    |                                   | 136.040         | 33.600                       | 93.533,000   | 0          | 0       |
| 1  | Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học thị trấn Ân Thi                                        | 42; 29/12/2022                    | 12.500          |                              | 12.500,000   |            |         |
| 2  | Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường mầm non thị trấn Ân Thi                      | 253; 24/01/2025 của UBND tỉnh HY  | 14.496          | 10.000                       | 4.000,000    |            |         |
| 3  | Xây dựng nhà 2 tầng 6 phòng học, nhà hiệu bộ trường mầm non Tân Phúc                                       | Số 136a, ngày 3 tháng 8 năm 2022  | 12.023          | 0                            | 8.416,000    |            |         |
| 4  | Xây dựng nhà hiệu bộ, cải tạo sửa chữa nhà lớp học 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS xã Tân Phúc | Số 170, ngày 26 tháng 12 năm 2021 | 7.961           | 0                            | 7.961,000    |            |         |

| TT  | Tên công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | số QĐ, ngày tháng                 | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021 -2025 |              |            | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|-------------------------------|--------------|------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                   |                 | NS cấp trên                   | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 5   | Trường tiểu học Tân Phúc (nâng mức nhà lớp học 6 phòng, nhà chức năng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số 169, ngày 25 tháng 12 năm 2021 | 12.599          | 0                             | 8.599,000    |            |         |
| 6   | Sửa chữa chống xuống cấp trường mầm non Tân Phúc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số 177, ngày 06 tháng 09 năm 2023 | 1.955           | 0                             | 1.955,000    |            |         |
| 7   | Duy tu, sửa chữa nhà hiệu bộ kết hợp phòng học chức năng và nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường THCS Quang Vinh                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 28/QĐ-UBND;<br>16/3/2022          | 1.000           | 1.000                         | 0,000        |            |         |
| 8   | Sửa chữa các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Quang Vinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 68/QĐ-UBND;<br>07/6/2022          | 806             | 600                           | 206,000      |            |         |
| 9   | Xây dựng trường mầm non trung tâm xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số: 58/NQ-HĐND<br>24/12/2024      | 44.950          | 22000                         | 22.950,000   |            |         |
| 10  | Nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường THCS xã Hoàng Hoa Thám                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 12/NQ-HĐND,<br>28/6/2021          | 14.950          |                               | 14.146,000   |            |         |
| 11  | Nhà làm việc 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Hoàng Hoa Thám                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số: 70 /NQ-HĐND<br>24/12/2024     | 12.800          |                               | 12.800,000   |            |         |
| III | Lĩnh vực giao thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                   | 232.786         | 37.956                        | 185.185,000  | 0          |         |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn 1 từ Mã Dẫy đến cây đa đường Nữ; Đoạn 2 từ QL38 cũ đến cây đa đường Nữ)                                                                                                                                                                                                                                                                       | 35; 29/12/2022                    | 18.600          |                               | 18.600,000   |            |         |
| 2   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn từ nhà ông Nga Khang đến nhà ông Thảm Liễu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số: 57/NQ-HĐND<br>24/12/2024      | 4.469           |                               | 4.469,000    |            |         |
| 3   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hoàng Hoa Thám (Tuyến 1: Từ nhà ông Năm đến nhà bà Thơm thôn Tam Đố; Tuyến 2: Từ nhà ông Xây đến nhà ông Đình thôn Tam Đố; Tuyến 3: Từ Nhà Văn Hóa thôn Danh Xá đến nhà ông Hạng; Tuyến 4: Từ nhà ông Bình đến nhà bà Thân thôn Danh Xá; Tuyến 5: Từ nhà anh Lương đến nhà ông Nhị thôn Danh Xá; Tuyến 6: Từ nhà ông Liễu đến nhà ông Vũ thôn Danh Xá) | Số: 66/NQ-HĐND<br>24/12/2024      | 7.000           |                               | 7.000,000    |            |         |
| 4   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tam Đố xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn từ nhà bà Ty đến Nghè Tam Đố)                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số: 62/NQ-HĐND<br>24/12/2024      | 1.272           |                               | 1.272,000    |            |         |
| 5   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn từ nhà ông Văn đến nhà ông Hường).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số: 67/NQ-HĐND<br>24/12/2024      | 2.000           |                               | 2.000,000    |            |         |
| 6   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn từ nhà ông Hưng đến nhà ông Sáu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số: 69/NQ-HĐND<br>24/12/2024      | 950             |                               | 950,000      |            |         |

| TT | Tên công trình                                                                                                                                                                                                           | số QĐ, ngày tháng                  | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                                          |                                    |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 7  | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đanh Xá (Đoạn từ nhà Thạo đến nhà ông Tâm Đanh Xá).                                                                                                                                    | Số: 61/NQ-HĐND<br>24/12/2024       | 2.950           |                              | 2.950,000    |            |         |
| 8  | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Xuyên (Đoạn từ nhà ông Tuyên đến nhà ông Hoàng)                                                                                                                                     | Số: 64/NQ-HĐND<br>24/12/2024       | 650             |                              | 650,000      |            |         |
| 9  | Duy tu, sửa chữa bảo dưỡng đường GTNT thôn Minh Lý xã Hoàng Hoa Thám (đoạn 1: từ nhà ông Nguyễn đến nhà ông Táo)                                                                                                         | Số: 68/NQ-HĐND<br>24/12/2024       | 2.500           |                              | 2.500,000    |            |         |
| 10 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám đoạn 2: từ nhà ông Hòa đến nhà ông Nội) thôn Minh Lý                                                                                                                      | Số: 68b/NQ-HĐND<br>24/12/2024      | 7.767           |                              | 7.767,000    |            |         |
| 11 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hoàng Hoa Thám, đoạn từ nhà ông Lâm đến nhà ông Hưng và đoạn từ nhà ông Thắng đến cánh đồng Vả, đoạn từ nhà ông từ nhà ông Đông( Ôn) đến nhà ông Phao, xã Hoàng Hoa Thám | Số: 71 /NQ-HĐND<br>24/12/2024      | 7.850           |                              | 7.850,000    |            |         |
| 12 | Cải tạo nâng cấp đường trục xã( đoạn từ A34 đến nhà ông Minh thôn Minh Lý và đoạn từ ngã ba thôn Đanh Xá đến giáp thôn Anh Nhuệ                                                                                          | 14/NQ-HĐND,<br>28/6/2021           | 14500           |                              | 14.146,000   |            |         |
| 13 | Cải tạo nâng cấp đường nội đồng xã Tân Phúc (đoạn từ trạm bơm Vệ Dương đến cánh đồng Đồng Mới)                                                                                                                           | Số 58, ngày 15 tháng<br>4 năm 2022 | 2.080           | 0                            | 1.080,000    |            |         |
| 14 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc                                                                                                                                                                                 | Số 85;28/05/2021                   | 6.429           | 0                            | 4.429,000    |            |         |
| 15 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (Đoạn đường 38 đến thôn Đồng Mới)                                                                                                                                               | Số 140a, 17/8/2022                 | 7.500           | 0                            | 7.500,000    |            |         |
| 16 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Phúc Tả xã Tân Phúc( đoạn từ sân kho đi đường gom cao tốc và từ nhà ông Mây đến trạm bơm ao đình)                                                                           | số 150, ngày<br>06/9/2022          | 4.895           | 0                            | 4.895,000    |            |         |
| 17 | Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Vệ Dương xã Tân Phúc                                                                                                                                                                    | số 25c, ngày<br>27/12/2021         | 7.900           | 0                            | 7.900,000    |            |         |
| 18 | Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn 1 từ bê tông An Khải đến máy kéo, đoạn 2 từ ruộng nhà ông Huy đi Đỗ Mỹ                                                                                                     | Số 30, ngày 27 tháng<br>6 năm 2022 | 6.800           | 0                            | 3.800,000    |            |         |
| 19 | Đường nội đồng thôn Thị Tân, xã Tân Phúc( đường cừ bê , đoạn từ đường liên xã Bắc Sơn đến bốt máy kéo cũ)                                                                                                                | 182/QĐ-UBND                        | 2.221           | 0                            | 2.221,000    |            |         |
| 20 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc(đoạn từ nhà ông Bộ đến 384 và đoạn từ nhà anh Hoà đến ông Tô thôn Thị Tân)                                                                                                      | 135/QĐ-UBND,<br>ngày 04/07/2023    | 1.844           | 0                            | 1.844,000    |            |         |
| 21 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc(đoạn từ đường ĐT 384 đến kênh T4 và đoạn từ đường ĐH61 đến nhà bà Ngà thôn Thị Tân)                                                                                             | 118/QĐ-UBND,<br>ngày 16/06/2023    | 1.200           | 0                            | 1.200,000    |            |         |

| TT | Tên công trình                                                                                                                                                                                                                                                                 | số QĐ, ngày tháng            | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                              |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 22 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn từ ĐH.61 đến thôn Vệ Dương)                                                                                                                                                                                                     | 147/QĐ-UBND ngày 02/8/2023   | 7.475           | 0                            | 7.475,000    |            |         |
| 23 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn từ nhà ông Hoan đến nhà ông Cảo thôn Thị Tân)                                                                                                                                                                                   | 1786/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 | 1.044           | 0                            | 1.044,000    |            |         |
| 24 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn 1 từ đường ĐH61 đến nhà ông Niệm thôn Ngọc Nhuế, (đoạn 2 từ đường ĐH61 đến công nhà ông Bang thôn Ngọc Nhuế)                                                                                                                    | Số 67, ngày 12/04/2024       | 5.394           | 0                            | 5.394,000    |            |         |
| 25 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn từ nhà ông Trịch thôn Ngọc Nhuế đến nhà ông Năm thôn Ninh Đạo)                                                                                                                                                                  | Số 68, ngày 12/04/2024       | 9.144           | 0                            | 9.144,000    |            |         |
| 26 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (Đoạn 1: từ nhà anh Cường đến nhà bà Bé, Đoạn 2: từ nhà và Sách đến nhà bà Vương)                                                                                                                                                     | Số 124, ngày 30/08/2024      | 1.047           | 0                            | 1.047,000    |            |         |
| 27 | Công trình Cải tạo nâng cấp đường GT nội đồng xã Quang Vinh ( đoạn từ QL 38 đến cánh phân trảm) thôn Phú Cốc                                                                                                                                                                   | Số 52a, ngày 09/11/2023      | 1.000           | 700                          | 300,000      |            |         |
| 28 | Công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Hạ, thôn Gia Cốc, thôn Phú Cốc, thôn Ngọc Châu xã Quang Vinh                                                                                                                                                                   | Số 57, ngày 28/12/2023       | 14.500          | 9.680                        | 4.820,000    |            |         |
| 29 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh (Đoạn 1: từ QL 38 cũ đến nhà bà Mẫu thôn Đỗ Thượng, đoạn 2: Từ cổng làng Đỗ Hạ đến cầu Đá, Đoạn 3: từ QL 38 cũ đến nhà ông Tạo,Đoạn 4: Từ cánh đồng sen đến bãi rác thôn Đỗ Hạ, Đoạn 5: từ đường bê tông đến bãi rác thôn Đỗ Thượng | Số 29, ngày 29/06/2022       | 8.200           | 3.500                        | 4.700,000    |            |         |
| 30 | Công trình đường GT nội đồng xã Quang vinh ( đoạn từ đường bê tông thôn phú cốc đến cánh làn đọ)                                                                                                                                                                               | Số 58, ngày 28/12/2023       | 1.157           | 0                            | 1.157,000    |            |         |
| 31 | Sửa chữa Trường THCS Tân Phúc                                                                                                                                                                                                                                                  | 134/QĐ-UBND ngày 30/6/2023   | 1.693           | 0                            | 1.693,000    |            |         |
| 32 | Sửa chữa đường ra đồng thôn Phú Cốc, xã Quang Vinh đoạn từ nhà ông Thùy đến cánh mả Bùng                                                                                                                                                                                       | 51/QĐ-UBND; 22/4/2022        | 1.550           | 700                          | 750,000      |            |         |
| 33 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Quang Vinh (Từ cánh đồng nội đi cánh đồng Sen thuộc thôn Đỗ Hạ)                                                                                                                                                                 | 35/NQ-HĐND; 29/6/2022        | 3.900           | 850                          | 3.100,000    |            |         |
| 34 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Quang Vinh (Từ cánh đồngCái Hạc đi cánh đồng Đa Tân thuộc thôn Gia Cốc)                                                                                                                                                         | 35/NQ-HĐND; 29/6/2022        | 1.928           | 800                          | 1.100,000    |            |         |
| 35 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh ( đoạn từ ao nhà thờ đến cánh đồng ao Vôi thôn Đỗ Thượng)                                                                                                                                                                           | 2081/QĐ-UBND; 14/4/2022      | 1.100           | 1.000                        | 100,000      |            |         |

| TT | Tên công trình                                                                                                                                                                                                                                      | số QĐ, ngày tháng           | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 36 | Sửa chữa Đường GTNT đoạn qua trường THCS xã Quang Vinh                                                                                                                                                                                              | 6888/QĐ-UBND;<br>31/10/2022 | 950             | 950                          |              |            |         |
| 37 | Cải tạo, nâng cấp đường thôn Ấp Phú, xã Quang Vinh (từ đường 376 đến nghĩa trang và sân thể thao và đi nghĩa trang Ấp Phú)                                                                                                                          | NQ52 ngày<br>09/11/2023     | 3539            | 530                          |              |            |         |
| 38 | - Công trình Cải tạo nâng cấp đường GT nội đồng xã Quang Vinh ( đoạn từ QL 38 đến cánh phân trầm) thôn Phú Cốc                                                                                                                                      | NQ52 ngày<br>09/11/2023     | 1100            | 700                          | 400,000      |            |         |
| 39 | Cải tạo nâng cấp Đường GTNT xã Quang Vinh ( đoạn từ nhà Ông đến cánh gốc đa)                                                                                                                                                                        | NQ52 ngày<br>09/11/2023     | 1000            |                              | 1.000,000    |            |         |
| 40 | Cải tạo nâng cấp Đường GTNT xã Quang Vinh ( đoạn từ nhà ông Bán đến cánh Tay Gang)                                                                                                                                                                  | NQ52 ngày<br>09/11/2023     | 588             | 0                            | 588,000      |            |         |
| 41 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các tuyến đường thôn Gia Cốc, xã Quang Vinh, huyện An Thi                                                                                                                                                              | Số 52a, ngày<br>09/11/2023  | 4.000           | 0                            | 4.000,000    |            |         |
| 42 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Thượng, xã Quang Vinh ( đoạn từ nhà ông Số đến nhà ông Biên)                                                                                                                                                   | Số 64, ngày<br>28/6/2024    | 1.500           | 0                            | 1.500,000    |            |         |
| 43 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Thượng, xã Quang Vinh ( đoạn từ nhà ông Bình đến nhà ông Thu)                                                                                                                                                  | Số 63, ngày<br>28/6/2024    | 1.250           | 0                            | 1.250,000    |            |         |
| 44 | Công trình cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Phú Cốc (Đoạn từ nhà ông Ninh đến nhà ông Điện)                                                                                                                                                         | Số 66, ngày<br>28/6/2024    | 1.800           | 0                            | 1.800,000    |            |         |
| 45 | Công trình cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Phú Cốc (Đoạn từ nhà ông chiến đến nhà Ông Tuấn.)                                                                                                                                                       | Số 65, ngày<br>28/6/2024    | 1.700           | 0                            | 1.700,000    |            |         |
| 46 | Công trình cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Gia Cốc (Đoạn từ nhà ông Khánh đến nhà Ông Phương.)                                                                                                                                                     | Số 75, ngày<br>28/6/2024    | 2.200           | 0                            | 2.200,000    |            |         |
| 47 | Công trình cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Thượng (Đoạn từ nhà ông Bào đến nhà Bà Nguyễn)                                                                                                                                                       | Số 76, ngày<br>28/6/2024    | 3.000           | 0                            | 3.000,000    |            |         |
| 48 | Công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh (Đoạn 1: Từ nhà ông Lánh đến nhà ông Tới; Đoạn 2: Từ nhà anh Hòa đến cánh đồng Gia Cốc)                                                                                                       | Số 68, ngày<br>28/6/2024    | 1.800           | 0                            | 1.800,000    |            |         |
| 49 | Công trình cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh ( đoạn từ QL 38 đến nhà ông Thừa)                                                                                                                                                              | Số 73, ngày<br>28/6/2024    | 14.950          | 7.325                        | 7.600,000    |            |         |
| 50 | Công trình cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh huyện An Thi ( đoạn 1 :từ nhà ông Chuyển đến nhà bà Nâu, tuyến nhánh : Từ nhà ông Tư đến nhà ông Phương; Đoạn 2 : Từ nhà ông Hình đến cánh dộc Cháy, Đoạn 3 : Từ nhà anh Thức đến nhà anh Kiên | Số 71, ngày<br>28/6/2024    | 8.000           | 3.920                        | 4.000,000    |            |         |

| TT | Tên công trình                                                                                                               | số QĐ, ngày tháng           | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                                                              |                             |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 51 | Công trình cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Ngọc Châu xã Quang Vinh ( đoạn từ nhà ông Thừa đến gần cổng làng thôn Ngọc Châu) | Số 72, ngày 28/6/2024       | 14.900          | 7.301                        | 7.500,000    |            |         |
| V  | Khác                                                                                                                         |                             | 36.455          | 3.400                        | 33.055,000   | 0          |         |
| 1  | Xây dựng mô hình camera an ninh xã Hoàng Hoa Thám                                                                            | Số: 63/NQ-HĐND 24/12/2024   | 1000            |                              | 1.000,000    |            |         |
| 2  | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới vị trí số 01 thôn Ngọc Nhuế, xã Tân Phúc                                                     | Số 38a, ngày 27/12/2022     | 9.800           | 0                            | 9.800,000    |            |         |
| 3  | Trạm y tế xã Tân Phúc và các hạng mục phụ trợ                                                                                | 219/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 | 7.215           | 0                            | 7.215,000    |            |         |
| 4  | Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Quang Vinh                                                                               | Số 48, ngày 18/08/2023      | 9.700           | 2.500                        | 7.200,000    |            |         |
| 5  | Công trình tăng cường cơ sở vật chất Nhà VH các thôn Đổ hạ, Gia Cốc, Ngọc Châu, Ấp Phú, Phú Cốc.                             | Số 74, ngày 28/6/2024       | 1.100           | 900                          | 200,000      |            |         |
| 6  | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Quang Vinh                                                                                | QĐ Số 152, ngày 28/10/2019  | 7.540           | 0                            | 7.540,000    |            |         |
| 7  | Ủy thác vốn vay cho NHCS xã hội huyện Ân Thi xã Quang Vinh                                                                   |                             | 100             | 0                            | 100,000      |            |         |
| D  | DỰ ÁN ĐÁ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ                                                                                         |                             | 153.530         | 8.670                        | 144.860,000  | 0          | 0       |
| I  | Lĩnh vực văn hoá                                                                                                             |                             | 21.000          | 6.150                        | 14.850,000   | 0          | 0       |
| 1  | Nhà văn hóa phố Phạm Huy Thông, thị trấn Ân Thi                                                                              | 83; 06/9/2024               | 7.000           | 2100                         | 4.900,000    |            |         |
| 2  | Xây dựng nhà văn hóa và các hạng phục vụ trợ phố Phạm Ngũ Lão                                                                | 92; 27/12/2024              | 8.000           | 2.250                        | 5.750,000    |            |         |
| 3  | Xây dựng nhà văn hóa và các hạng phục vụ trợ thôn Quanh thôn                                                                 | 87; 27/12/2024              | 6.000           | 1.800                        | 4.200,000    |            |         |
| II | Lĩnh vực giáo dục, y tế                                                                                                      |                             | 10.900          | 2.520                        | 8.380,000    | 0          | 0       |
| 1  | Cải tạo, sửa chữa trạm y tế thị trấn Ân Thi và các hạng mục phụ trợ                                                          | 81; 06/9/2024               | 2.500           |                              | 2.500,000    |            |         |
| 2  | Xây dựng Khố phòng tổ chức ăn và phòng đa chức năng trường Mầm non Thị trấn Ân Thi                                           | 96; 27/12/2024              | 8.400           | 2.520                        | 5.880,000    |            |         |

| TT  | Tên công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số QĐ, ngày tháng | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                   |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| III | Lĩnh vực giao thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                   | 121.630         | 0                            | 121.630,000  | 0          | 0       |
| 1   | Xây dựng đường giao thông thôn Phú thôn, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 40; 29/12/2022    | 1.600           |                              | 1.600,000    |            |         |
| 2   | Xây dựng đường giao thông thôn Bình Trị, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 41; 29/12/2022    | 2.100           |                              | 2.100,000    |            |         |
| 3   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Mai Xuyên thị trấn Ân Thi (đoạn từ ĐT 376 đến nghĩa trang thôn Mai Xuyên)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 37; 29/12/2022    | 14.900          |                              | 14.900,000   |            |         |
| 4   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn từ cây đa đường Nù đến đường ĐT.376 cũ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 38; 29/12/2022    | 23.000          |                              | 23.000,000   |            |         |
| 5   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (Đoạn 1: từ nhà ông Trường đến nhà bà Hồng; đoạn 2: từ nhà ông Trị đến nhà ông Hôn)                                                                                                                                                                                                                                                                  | 54; 27/6/2023     | 3.800           |                              | 3.800,000    |            |         |
| 6   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Ân Thi (các đoạn qua xóm trại thôn Quanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 68; 28/12/2023    | 3.800           |                              | 3.800,000    |            |         |
| 7   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Ân Thi (các đoạn qua xóm trong làng thôn Quanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 69; 28/12/2023    | 1.800           |                              | 1.800,000    |            |         |
| 8   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phú thôn, thị trấn Ân Thi (Đoạn 1: từ nhà ông Tuyển đến nhà ông Cường; đoạn 2: từ nhà ông Thụ đến nhà ông Tuệ; đoạn 3: từ nhà ông Xứng đến nhà ông Hanh; đoạn 4: từ nhà ông Tha đến nhà ông Hòe; đoạn 5: từ nhà ông Minh đến nhà ông Thành; đoạn 6: từ nhà ông Công đến nhà ông Điền; đoạn 7: từ nhà ông Hào đến gần ĐT.376; đoạn 8: từ nhà ông Lục đến nhà ông Đồng) | 72; 28/12/2023    | 4.000           |                              | 4.000,000    |            |         |
| 9   | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi (đoạn 1: từ nhà ông Tiền đến trường cấp 1, đoạn 2: từ nhà bà Trúc đến nhà bà Lĩnh)                                                                                                                                                                                                                                                          | 66; 28/12/2023    | 3.900           |                              | 3.900,000    |            |         |
| 10  | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn 1: từ nhà ông Toán đến cổng Châm, đoạn 2: từ nhà ông Đới đến nhà ông Toán)                                                                                                                                                                                                                                                                     | 56; 27/6/2023     | 4.300           |                              | 4.300,000    |            |         |
| 11  | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn 1: từ ĐT.376 cũ qua TBA Mai Xuyên Đông; đoạn 2: từ nhà ông Thùy đến đường bê tông nội đồng; đoạn 3: từ nhà bà Khiển đến nhà ông Phi; đoạn 4: từ nhà ông Duy đến nhà ông Sinh)                                                                                                                                                                  | 55; 27/6/2023     | 3.200           |                              | 3.200,000    |            |         |

| TT | Tên công trình                                                                                                                        | số QĐ, ngày tháng   | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 |              |            | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------|------------------------------|--------------|------------|---------|
|    |                                                                                                                                       |                     |                 | NS cấp trên                  | Ngân sách xã | Nguồn khác |         |
| 12 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình Trị, thị trấn Ân Thi (đoạn từ nhà ông Chuyển đến nhà ông Quang)                                | 71; 28/12/2023      | 1.200           |                              | 1.200,000    |            |         |
| 13 | Kè gia cố mái taluy nương thôn Mai Xuyên, thị trấn Ân Thi (Đoạn từ ruộng nhà ông Mỹ đến bờ sông)                                      | 90; 27/12/2024      | 800             |                              | 800,000      |            |         |
| 14 | Xây dựng hệ thống kè nương từ cống Bùng đến ruộng nhà ông Tuấn, thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi                                        | 95; 27/12/2024      | 1.000           |                              | 1.000,000    |            |         |
| 15 | Cải tạo ao ông Cự thôn Quanh, thị trấn Ân Thi                                                                                         | 93; 27/12/2024      | 4.100           |                              | 4.100,000    |            |         |
| 16 | Cải tạo Ao ông Cộng, ao ông Cạo và ao ông Hoàng thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi                                                        | 94; 27/12/2024      | 9.130           |                              | 9.130,000    |            |         |
| 17 | Đường gT xã QV (Đoạn từ ĐH 61 đến bãi rác tập trung thôn Ngọc Nhướ)                                                                   | 103; 13/3/2025      | 1.500           |                              | 1.500,000    |            |         |
| 18 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT phúc tá, xã Quang Vinh (đoạn 1 từ cửa nhà văn hoá đến ngân hàng; đoạn 2 từ nhà ông Năng đến nhà ông Hậu) | #NAME?              | 7.000           |                              | 7.000,000    |            |         |
| 19 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ninh Đạo, xã Quang Vinh (đoạn từ ĐH61 đến ĐT .382 đường gom)                                        | 62b; ngày 25/2/2025 | 12.000          |                              | 12.000,000   |            |         |
| 20 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh (đoạn từ đường QL 38 đến cuối làng Ninh Đạo)                                               | 39; ngày 11/02/2025 | 12.500          |                              | 12.500,000   |            |         |
| 21 | Cải tạo nâng cấp đường GTNT Phúc tá, xã Quang Vinh, từ đường 61 đến sân đình                                                          | 28; 22/2/2025       | 6.000           |                              | 6.000,000    |            |         |
| IV | Lĩnh vực khác                                                                                                                         |                     |                 |                              |              |            |         |
|    | TỔNG CỘNG                                                                                                                             |                     | 1.140.164       | 190.315                      | 800.405,407  | -          | -       |